

THÔNG NHẤT MA TRẬN VÀ NỘI DUNG
ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ - CUỐI HK1
Môn NGỮ VĂN – KHỐI 12

I. MA TRẬN CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ I.
(THỜI GIAN: 90 PHÚT. HÌNH THỨC: 100% TỰ LUẬN)

1. Đọc – hiểu: NHẬT KÍ, PHÓNG SỰ	- Số lượng câu hỏi: 4 câu đọc hiểu. - Nội dung câu hỏi: bám sát yêu cầu cần đạt về thể đặc trưng thể loại: Nhật kí, phóng sự. - Nguồn dẫn của ngữ liệu ra đề: phải cụ thể chi tiết, nguồn chính thống. - Mức độ câu hỏi:<table><tr><td>Nhận biết: 1 câu</td><td>0,75đ</td></tr><tr><td>Thông hiểu : 3 câu</td><td>3,25đ</td></tr><tr><td>Vận dụng: 1 câu</td><td>1,0đ</td></tr></table>	Nhận biết: 1 câu	0,75đ	Thông hiểu : 3 câu	3,25đ	Vận dụng: 1 câu	1,0đ
Nhận biết: 1 câu	0,75đ						
Thông hiểu : 3 câu	3,25đ						
Vận dụng: 1 câu	1,0đ						
Lưu ý: Cách trả lời một số dạng câu hỏi:	(1) Dạng câu tìm chi tiết xác thực/phân tích tác dụng sự kết hợp giữa các yếu tố miêu tả, tự sự, bình luận/phân tích tác dụng sự kết hợp chi tiết hiện thực với thái độ đánh giá của người viết về chi tiết hiện thực đó: (đề giới hạn trong 1 đoạn văn bản cụ thể) Có thể trả lời 1 trong 2 cách: + Tìm các chi tiết xác thực trong văn bản. + Hoặc nêu khái quát về chi tiết đó (2) Dấu hiệu nhận biết thể loại phóng sự: - Sự kiện có tính thời sự. (viết về sự kiện gì? Sự kiện đó có tính thời sự, được mọi người quan tâm?) - Văn bản có sử dụng phong phú các chi tiết hiện thực. (Nêu khái quát được ít nhất 2 chi tiết hiện thực trong văn bản.) - Sự trải nghiệm, đánh giá của bản thân người viết. (văn bản có sự kết hợp các chi tiết hiện thực với thái độ, đánh giá (nuôi tiếc, nhớ thương, ca ngợi/phê phán, mỉa mai, châm biếm...) của người viết về nội dung phản ánh) (3) Dấu hiệu nhận biết thể loại nhật kí: - Tính tự thuật: (tác giả tự viết, tự kể lại) - Có ghi chép đánh số ngày, tháng, năm. - Ngôn ngữ: văn bản sử dụng ngôn ngữ thân mật (từ địa phương, khẩu ngữ, tiếng lóng, thành phần tình thái, gọi đáp..v.v) kết hợp với ngôn ngữ trang trọng (sử dụng các biện pháp tu từ, từ ngữ gợi hình, gợi cảm xúc...)						

2. Tiếng Việt: Ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật	Phân tích đặc điểm ngôn ngữ trang trọng hoặc ngôn ngữ thân mật thể hiện trong ngữ liệu đọc hiểu
3. Viết: VIẾT BÀI VĂN NLXH	Số lượng câu hỏi: 1 bài văn nghị luận Nội dung: - Viết thư trao đổi một vấn đề đáng quan tâm

II. BẢNG ĐẶC TẢ PHẦN KIẾN THỨC ĐỌC HIỂU VỀ THỂ LOẠI NHẬT KÍ, PHÓNG SỰ.

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Đọc hiểu 5.0đ	- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật trong phóng sự, hồi kí, nhật kí. - Nhận biết được những dấu hiệu phân biệt giữa phóng sự, hồi kí và nhật kí. - Nhận biết được yếu tố phi hư cấu trong tác phẩm. Chỉ ra được những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan và cách nhìn riêng, thái độ, quan điểm mang tính chủ quan của người viết. - Nhận biết ngôn ngữ trang trọng/ngôn ngữ thân mật được sử dụng trong văn bản.	- Nêu được các sự kiện chính trong tác phẩm. - Phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong phóng sự, hồi kí, nhật kí; lí giải được vai trò, ý nghĩa của hình tượng này trong tác phẩm. - Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng trong văn bản. Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản. - Phân tích đặc điểm ngôn ngữ trang trọng/ngôn ngữ thân mật thể hiện trong văn bản. - Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm.	- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Vận dụng cao Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm. - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

III. Bảng kiểm chấm điểm phần Viết

Kiểu bài:			
VIẾT THƯ TRAO ĐỔI MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM			
a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 600 chữ) của bài văn.			0,5
b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: (vấn đề nêu trong đề bài)			0,5
c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo yêu cầu sau: Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng:			3,5
(1) Phần Mở đầu:	- Địa điểm, thời gian viết thư. (Viết ở đâu, viết khi nào?) - Lời chào + thăm hỏi đầu thư - Nêu vấn đề cần trao đổi (vấn đề cần trao đổi là gì) - Mục đích viết thư (viết để làm gì?)		0,5
(2) Phần Nội dung thư:	- Giải thích vấn đề (nếu có) - Trình bày các ý kiến cần trao đổi về vấn đề: • Ý kiến 1: Lí lẽ + Bằng chứng. • Ý kiến 2: Lí lẽ + bằng chứng • - Giải pháp (nếu có)		2,5
(3) Phần Kết thúc thư:	- Khẳng định lại quan điểm của bản thân về cần trao đổi - Mong muốn nhận được sự đồng tình của người nhận thư. - Lời chúc. - Lời chào tạm biệt. - Danh tính người viết thư. (Lưu ý: HS không để lại kí hiệu đánh dấu bài trong phần thư của mình – lộ thông tin các nhân)		0,5
<i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>			
d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong văn bản.			0,25
e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.			0,25

HẾT
CHÚC CÁC EM ÔN THI TỐT, ĐẠT ĐIỂM CAO!